

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS- ST
Ngày: 30/5/2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đới Văn Học

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hoa
2. Bà Lê Thị Chung

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Cường Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Cường - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2018/TLST- DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số 55 N, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Sý Siêng N, bà Lương Ngọc P; sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 62 T, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Dụ có mặt tại phiên tòa, vợ chồng bà P, ông N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị D trình bày: Ngày 09/8/2016 vợ chồng ông N, bà P vay số tiền 1.000.000.000đ, khi vay có làm giấy tờ và hẹn ngày 25/8/2016 trả nhưng đến nay chưa trả. Ngoài ra, vào năm 2015, không nhớ rõ ngày tháng, bà cho vợ chồng ông N bà P vay số tiền 910.000.000đ. Cụ thể các lần như sau: Lần 1 vay 300.000.000đ, lần 2 vay 300.000.000đ, lần 3 vay 70.000.000đ, lần 4 vay 240.000.000đ vì là chỗ quên biết

nên không lập giấy tờ vay mượn, đến ngày 25/9/2017 bà P mới viết giấy cho bà và hẹn ngày 25/10/2017 sẽ trả nhưng đến nay chưa trả.

Nay yêu cầu vợ chồng ông N, bà P thanh toán trả số tiền gốc 1.910.000.000.000đ và số tiền lãi chậm trả của số tiền 1.000.000.000đ từ tháng 9/2016 đến nay theo mức lãi suất 1%/tháng tạm tính 32 tháng thành tiền 320.000.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 2.033.750.000đ.

Tài liệu chứng cứ: Giấy nhận nợ ghi ngày 09/8/2016 bản chính có chữ ký của ông N, bà P; Giấy nhận nợ bản phô tô ghi ngày 25/9/2017 có chữ ký của bà P.

Theo lời khai tại đơn xin trình bày ngày 14/01/2019, bị đơn bà Lương Ngọc P trình bày: Ngày 08/9/2016 bà có viết giấy nhận nợ bà D số tiền 1.000.000.000đ, ngày 27/12/2016 bà đã bán nhà số 55 N, thị trấn D cho bà Đào Thị T để trừ tất cả các khoản nợ bà D tuy nhiên sau khi sang nhà cho bà T, bà không thể chấp vay Ngân hàng được số tiền như mong muốn nên bà D đòi trả lại nhà và đòi bà trả tiền nợ (trước đó bà đã trả rất nhiều tiền lãi).

Ngày 25/9/2017 bà D cùng 5 thanh niên đến nhà ép bà viết lại giấy nhận nợ số tiền 910.000.000đ do sợ nên bà D đọc thế nào thì bà ghi như vậy và ký giấy. Đề nghị Tòa án xem xét.

Tài liệu chứng cứ là bản phô tô giấy mượn tiền 310.000.000đ của bà D để trả Ngân hàng rút sổ đỏ về sang tên cho bà T ghi ngày 27/12/2016 có chữ ký của bà P, bà D và người làm chứng là Lê Thị T.

Ông Sý Siêng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc nhưng đều vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay cũng vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà D; vợ chồng bà P, ông N có trách nhiệm thanh toán trả bà D số tiền gốc 1.000.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định; các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bà Lương Ngọc P và ông Sý Siêng N là bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại “Giấy mượn tiền” bản chính ghi ngày 09/8/2016 do bà D giao nộp cho Tòa án có nội dung thể hiện: Bà D cho vợ chồng bà P, ông N vay số tiền 1.000.000.000đ, hẹn ngày 25/8/2016 trả có chữ ký ghi họ tên bà Lê Ngọc P và ông Sý Siêng N. Nay bà D yêu

cầu vợ chồng bà P ông N phải trả số tiền gốc 1.000.000.000đ và tiền lãi tính từ tháng 9/2016 theo mức lãi suất 1%/tháng tính đến nay là 32 tháng thành tiền 320.000.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.320.000.000đ. Bà P thừa nhận có việc vợ chồng bà vay bà D số tiền nêu trên nhưng đã bao gồm cả lãi, bà đã trả rất nhiều lãi nhưng không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để khẳng định việc vợ chồng bà P, ông N vay 1.000.000.000đ của bà D là hoàn toàn có thật và đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà P, ông N nên buộc cả hai vợ chồng cùng có trách nhiệm thanh toán trả số tiền trên cho bà D là có căn cứ chấp nhận.

[3] Ngoài ra bà D còn yêu cầu vợ chồng bà P, ông N trả khoản tiền vay năm 2015 với số tiền 910.000.000đ và bà P viết giấy nhận nợ vào ngày 25/9/2017, bà D không xuất trình được tài liệu chứng cứ bản chính, bà P cho là bà D và một số người khác đã đến nhà ép buộc bà viết lại giấy nhận nợ này, theo bản phôi tờ bà D giao nộp cho Tòa án, ở phần cuối sau khi ký tên bà P còn ghi thêm: Khi tôi trả hết sẽ không còn liên quan làm ăn đến tiền bạc nợ nần gì bà T nữa (bà T là tên gọi khác của bà D). Do đó, nếu theo tài liệu chứng cứ này thì đến năm 2017, vợ chồng bà P, ông N chỉ còn nợ bà D một khoản tiền chứ không phải hai khoản tiền như bà D trình bày nên không có căn cứ buộc vợ chồng bà P, ông N trả khoản tiền vay với số tiền 910.000.000đ.

[4] Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà D, cần buộc vợ chồng bà P, ông N có trách nhiệm trả cho bà D số tiền gốc là 1.000.000.000đ và tiền lãi phát sinh do không thỏa thuận lãi nên chỉ tính theo mức lãi 0,75%/ tháng (lãi suất cơ bản 9%/năm) tính từ tháng 9/2016 đến nay là 32 tháng thành tiền 240.000.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.240.000.000đ (Một tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng) là phù hợp.

[5] Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu vợ chồng bà Phương, ông Niềm trả số tiền gốc 910.000.000đ và số tiền lãi (320.000.000đ – 240.000.000đ) 80.000.000đ. Tổng cộng 990.000.000đ.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch $\{1.240.000.000đ = 36.000.000đ + (440.000.000đ \times 3\%) =\}$ 49.200.000đ. Bà D được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận vì bà D là người cao tuổi, có hoàn cảnh kinh tế thật sự khó khăn nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà D là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 305; Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với vợ chồng bà Lương Ngọc P, ông Sý Siềng N.

Buộc vợ chồng bà P, ông N có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 1.240.000.000đ, trong đó tiền gốc là 1.000.000.000đ, tiền lãi là 240.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự”.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với vợ chồng bà Lương Ngọc P, ông Sý Siềng N trả số tiền gốc 910.000.000đ và tiền lãi 80.000.000đ

3. Về án phí: Buộc vợ chồng bà P, ông N phải chịu 49.200.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà D.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đới Văn Học